

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22/8/2024

V/v: Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Quốc Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Xuân.

2. Ông Phương Văn Tư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hiền - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 39/2024/TLST-HNGĐ ngày 21/5/2024 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐXXHNGĐ - ST ngày 06 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Long Thị L, sinh năm 1988.

Nơi ĐKHKTT: Xóm T, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng; (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Hứa Xuân H, sinh năm 1982;

Nơi ĐKHKTT: Xóm N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 15/5/2024 và các lời khai tiếp theo tại bản tự khai, nguyên đơn Long Thị L trình bày: Năm 2010, sau thời gian tìm hiểu thì chị và anh H tổ chức kết hôn theo phong tục địa phương, sau đó tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện T (nay là thị trấn T, huyện T), tỉnh Cao Bằng vào ngày 17/8/2010, việc đăng ký do hai bên tự nguyện thực

hiện. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc yêu thương chăm sóc nhau. Tuy nhiên, do quan điểm sống khác biệt, hai vợ chồng hay cãi vã nhau, không có tiếng nói chung. Anh chị đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nhận thấy, giữa hai vợ chồng đã không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn anh Hứa Xuân H. Trong thời kỳ hôn nhân, hai vợ chồng có 02 con chung tên Hứa Thu Q, sinh ngày 20/9/2010 và Hứa Khánh L1, sinh ngày 15/10/2013, hiện nay con chung đang sống với anh H. Sau khi ly hôn chị L không yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung và không cấp dưỡng nuôi con. Giao 02 con chung cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành. Giữa chị và anh H không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 01/8/2024, bị đơn Hứa Xuân H xác nhận các vấn đề về tình cảm, con cái, tài sản, nợ chung như chị L trình bày là đúng. Cách đây khoảng 03 năm chị L đã từng làm đơn yêu cầu ly hôn với anh tại Tòa án nhân dân huyện Trà Lĩnh, anh đã được ký vào các giấy tờ, anh nghĩ sự việc đã được giải quyết tại thời điểm đó. Tuy nhiên chị L lại làm đơn yêu cầu ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Về quan hệ hôn nhân anh đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng đã không còn nên không thể hàn gắn lại được. Trong quá trình chung sống giữa anh chị có 02 con chung là cháu Hứa Thu Q, sinh ngày 20/9/2010 và cháu Hứa Khánh L1, sinh ngày 15/10/2013. Hiện các con chung đang sinh sống cùng anh tại xóm N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Sau khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung cho đến khi trưởng thành. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do tình hình sức khỏe không đảm bảo nên anh xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Chị L giữ nguyên yêu cầu như đơn khởi kiện, xác định vợ chồng đã không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu Tòa giải quyết cho ly hôn anh H, sau khi ly hôn chị không yêu cầu nuôi con chung và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con, các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo và chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 227, 228, 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, các Điều 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Long Thị L được ly hôn anh Hứa Xuân H;
- Về con chung: Giao 02 con chung cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành, không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với chị L;
- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét;
- Về án phí: Buộc chị L phải chịu 300.000 đồng án phí để sung quỹ Nhà nước.
- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thẩm quyền*: Bị đơn Hứa Xuân H có hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay tại: Xóm N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng là có căn cứ.

[2]. *Về tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72, Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy đã có lời khai trong hồ sơ và việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3]. *Về quan hệ tranh chấp*: Chị Long Thị L yêu cầu ly hôn với anh Hứa Xuân H, không yêu cầu nuôi con chung và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con, các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Long Thị L yêu cầu ly hôn với anh Hứa Xuân H, anh chị tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và tiến hành đăng ký kết hôn ngày 17/8/2010 tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện T (nay là thị trấn T, huyện T), tỉnh Cao Bằng. Việc đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, đúng theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Như vậy, việc kết hôn giữa chị L và anh H là hợp pháp và quan hệ vợ chồng được pháp luật công nhận từ ngày đi đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc và có với nhau 02 đứa con chung. Tuy nhiên, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn; hai vợ chồng bất đồng

quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn lại được. Từ những phân tích, nhận định trên đây, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa hai vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị L và ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ nên cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[5]. *Về con chung*: Giữa chị L và anh H có 02 con chung tên Hứa Thu Q, sinh ngày 20/9/2010 và Hứa Khánh L1, sinh ngày 15/10/2013, hiện nay các con chung đang sống với anh H. Sau khi ly hôn, anh H có nguyện vọng được nuôi con chung và không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng: Các con chung đã sinh sống với anh H từ nhỏ cho đến nay, đã quen với môi trường học tập và sinh hoạt ở đó, chị L đi làm ăn xa và không có chỗ ở ổn định nên không có điều kiện trực tiếp chăm sóc các con chung. Vì vậy, cần giao cháu Q và cháu L1 cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với chị L là có căn cứ.

[6]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7]. *Về án phí*: Chị L phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Xác nhận chị đã nộp đủ.

[8]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự đều có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Long Thị L được ly hôn với anh Hứa Xuân H.

2. *Về con chung*: Giao cháu Hứa Thu Q, sinh ngày 20/9/2010 và cháu Hứa Khánh L1, sinh ngày 15/10/2013 cho anh Hứa Xuân H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến tuổi trưởng thành (hoặc đến khi có Bản án, Quyết định khác của Tòa án thay thế) và không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với chị Long Thị L.

Sau khi ly hôn, chị Long Thị L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi có căn cứ, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi quyền trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Hai bên đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Long Thị L phải chịu 300.000 đồng phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước, xác nhận chị đã nộp đủ tại Biên lai nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002676 ngày 21 tháng 5 năm 2024 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng thu.

5. *Về quyền kháng cáo:* Chị Long Thị L, anh Hứa Xuân H, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TA tỉnh;
- VKS huyện;
- Chi cục THA dân sự;
- UBND thị trấn T;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nông Quốc Hùng